



Mã nhận dạng 00443

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiêu luận tốt nghiệp (207231) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC						7,5	0012345678910	0123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC						7,4	0012345678910	0123456789
3	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC						7,9	0012345678910	0123456789
4	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						✓	0012345678910	0123456789
5	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC						7,3	0012345678910	0123456789
6	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC						7,5	0012345678910	0123456789
7	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC						7,7	0012345678910	0123456789
8	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC						✓	0012345678910	0123456789
9	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC						7,8	0012345678910	0123456789
10	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC						7,4	0012345678910	0123456789
11	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC						✓	0012345678910	0123456789
12	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC						7,0	0012345678910	0123456789
13	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiền	DH17CC						7,3	0012345678910	0123456789
14	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC						7,6	0012345678910	0123456789
15	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC						7,4	0012345678910	0123456789
16	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC						6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00443

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207231) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC						7,0	001234568910	123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 14

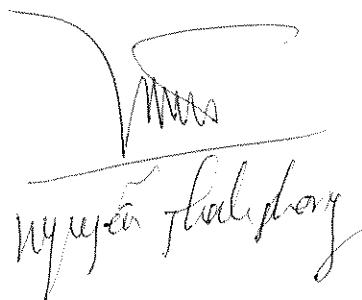
Cán bộ coi thi 1

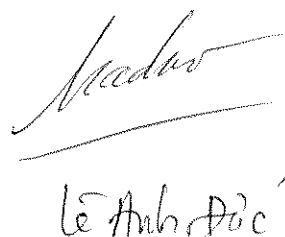
Cán bộ coi thi 2

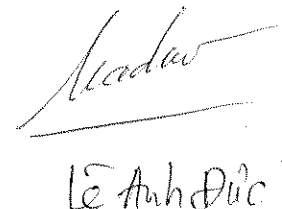
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thanh Phong


Lê Anh Đức


Lê Anh Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 01

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			10	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			10	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
3	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
6	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
8	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
9	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
10	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
11	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
13	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
14	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
15	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
16	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00446

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 01

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
18	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
20	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
21	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
22	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
23	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
24	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Thanh Nghị


Lê Khỏe Quí



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quý (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			1	2	55	8,5	0012345678910	0123456789
2	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
3	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
5	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1	2	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
7	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			1	2	55	8,5	0012345678910	0123456789
8	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1	2	55	8,5	0012345678910	0123456789
9	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
10	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			1	2	5,3	8,3	0012345678910	0123456789
11	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
13	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
14	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
15	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
16	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00447

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1	2	5,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
20	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			1	2	6,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
23	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			1	2	5,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
25	18118182	Ngô Văn Việt	DH18CK			1	2	5,0	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Thanh Nghi

Lê Khỏe Quí



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			1	2	45	7,5	0012345678910	0123456789
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			1	2	85	8,5	0012345678910	0123456789
3	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
4	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK						✓	0012345678910	0123456789
5	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK					.	✓	0012345678910	0123456789
6	17118046	Trần Khải	DH17CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
7	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK						✓	0012345678910	0123456789
8	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			1	2	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
10	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
11	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			1	2	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			1	2	45	7,5	0012345678910	0123456789
14	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			1	2	45	7,5	0012345678910	0123456789
15	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
16	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00448

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			1	2	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
18	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
19	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
20	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Thanh Nghị


Lê Khỏe Quí



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
4	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
5	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
6	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
7	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
8	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
9	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
10	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK					8	8	0012345678910	0123456789
11	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
12	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
13	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
14	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
15	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
16	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00450

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118051	Bùi Huynh	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
18	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
19	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
20	18118064	Kiều Minh Trí	DH18CK					/	/	0012345678910	0123456789
21	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
22	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
23	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
24	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
25	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
26	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
27	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
28	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
29	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
30	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
31	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
32	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00450

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118106	Phùng Minh Phông	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
34	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
35	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
36	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
37	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
38	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
39	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
40	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
41	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK					5	5	0012345678910	0123456789
42	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
43	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
44	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
45	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK					/	/	0012345678910	0123456789
46	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
47	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
48	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
50	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
51	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
52	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
53	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK					9	9	0012345678910	0123456789
54	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
55	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
56	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
57	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
58	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK					6	6	0012345678910	0123456789
59	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789
60	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK					8	8	0012345678910	0123456789
61	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK					6	6	0012345678910	0123456789
62	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK					7	7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 00451

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	NGUYỄN DUY AN	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
2	20118125	TRẦN THANH BÌNH	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	20118128	NGÔ QUỐC CƯỜNG	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
4	20118146	MA TRỌNG DŨNG	DH20CK					/	/	0012345678910	0123456789
5	20118147	NGUYỄN TÂN DŨNG	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	20118011	ĐẶNG HỮU MINH DUY	DH20CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
7	20118149	NGUYỄN VĂN DUY	DH20CK					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	20118150	PHẠM HOÀNG ĐÔNG DUY	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	20118129	LÊ HẢI ĐĂNG	DH20CK					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
10	20118130	TRẦN MINH ĐĂNG	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
11	20118142	ĐỖ HOÀNG ĐỨC	DH20CK					8	8,0	0012345678910	0123456789
12	20118143	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
13	20118144	PHẠM MINH ĐỨC	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
14	20118154	NGUYỄN XUÂN HẢI	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
15	20118164	TRẦN TRUNG HIẾU	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
16	20118160	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118166	LÂM LONG HỒ	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	20118172	NGUYỄN BÁ HUY	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
19	20118173	NGUYỄN MẠNH HUY	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
20	20118175	PHAN LÊ NGỌC HUY	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
21	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK					6	6	0012345678910	0123456789
22	20118176	VÕ ĐỨC PHÁT HUY	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
23	20118170	NGUYỄN BÌNH HUNG	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
24	20118181	NGUYỄN HOÀNG KHANG	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	20118182	LÊ MINH KHANH	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
26	20118033	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	DH20CK					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
27	20118187	TRẦN TUẤN KIẾT	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
28	20118194	NGUYỄN MINH PHI LONG	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
29	20118195	HỒ QUANG LUÝT	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
30	20118197	VŨ TRƯỜNG MẠNH	DH20CK					9	9	0012345678910	0123456789
31	20118198	VÕ QUỐC MINH	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
32	20118207	TRẦN MINH NGHĨA	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00451

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118209	TRẦN THÁI NGỌC	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
34	20118210	ĐÀO NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
35	20118211	ĐÌNH THANH NHÃ	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
36	20118212	LÊ THANH NHÂN	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
37	20118214	NGUYỄN LÊ TRỌNG NHÂN	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
38	20118215	PHAN VĂN NHẬT	DH20CK					6	6	0012345678910	0123456789
39	20118222	DƯƠNG TUẤN PHÁT	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
40	20118223	PHAN KIM PHÁT	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	20118224	PHAN THÀNH PHÁT	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
42	20118225	TRẦN NHẬT PHÁT	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
43	20118227	ĐỖ THÀNH PHONG	DH20CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
44	20118107	PHẠM ĐÌNH PHÚC	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
45	20118235	VÕ HOÀI PHƯƠNG	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
46	20118243	ĐỖ ĐỨC TÀI	DH20CK					7	7,0	0012345678910	0123456789
47	20118245	TRẦN MINH TÀI	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
48	20118247	HUỲNH THANH TÂM	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118257	NGUYỄN PHÚ THÀNH	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
50	20118252	NGUYỄN QUỐC THÁI	DH20CK					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
51	20118258	UNG NGỌC THÀNH	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789
52	20118255	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH20CK					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
53	20118263	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	DH20CK					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
54	20118264	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	DH20CK					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
55	20118271	NGUYỄN NGỌC TOÀN	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
56	20118272	PHẠM ĐỨC TOÀN	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
57	20118274	NGUYỄN TRỌNG TRIẾT	DH20CK					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
58	20118275	LÊ MINH TRỌNG	DH20CK					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
59	20118276	HUỖNH QUANG TRUNG	DH20CK					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
60	20118278	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH20CK					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
61	20118284	PHAN THANH TÙNG	DH20CK							0012345678910	0123456789
62	20118286	NGUYỄN THÁI VI	DH20CK					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
63	20118287	NGÔ ANH VIỆT	DH20CK					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
64	20118289	NGUYỄN XUÂN VINH	DH20CK					7	7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00451

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	20118291	LÂM HUỖNH ANH VŨ	DH20CK					8	8	0012345678910	0123456789
66	20118292	TRẦN QUỐC VƯƠNG	DH20CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00455

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
3	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL				10	7	7.6	0012345678910	0123456789
4	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL				8	7	7.2	0012345678910	0123456789
5	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
6	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL				6	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
7	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL				6	8	5.4	0012345678910	0123456789
8	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL				9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
9	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
10	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL				9	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
11	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
12	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL				10	7	7.6	0012345678910	0123456789
14	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
15	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL				6	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
16	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL				10	9	9.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL				8	7	7.2	0012345678910	0123456789
18	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
19	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL				8	7	7.2	0012345678910	0123456789
20	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL				10	9	9.2	0012345678910	0123456789
21	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL				10	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
22	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL				10	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
23	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL				8	7	7.2	0012345678910	0123456789
24	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL				10	7	7.0	0012345678910	0123456789
25	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
26	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL				10	8	8.0	0012345678910	0123456789
27	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL				6	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
28	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL				10	9	9.2	0012345678910	0123456789
29	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
30	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL				10	9	9.2	0012345678910	0123456789
31	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL				10	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
32	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL				10	7.0	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00455

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
34	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
35	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL				10	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
36	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL				10	9	9.2	0012345678910	0123456789
37	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL				10	7	7.6	0012345678910	0123456789
38	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
39	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL				10	8	8.4	0012345678910	0123456789
40	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL				10	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
41	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL				6	8	7.6	0012345678910	0123456789
42	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL				8	8	8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 00464

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			5	8	9	7.9	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			10	7	8	8.1	0012345678910	0123456789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
5	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
6	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
7	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			8	8	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			5	7	7.5	6.9	0012345678910	0123456789
9	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
10	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			5	8	8.5	7.7	0012345678910	0123456789
11	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			5	5	9	7.0	0012345678910	0123456789
12	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			10	8	9	8.9	0012345678910	0123456789
13	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
14	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			9	8	7.5	8.0	0012345678910	0123456789
15	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			8	8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
16	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00464

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
18	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			5	8	8	7.4	0012345678910	0123456789
19	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD			5	4	8	6.2	0012345678910	0123456789
20	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			5	8	8	7.4	0012345678910	0123456789
21	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD	✓		✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
22	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
23	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			9	8	9	8.7	0012345678910	0123456789
24	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			5	7	9	7.6	0012345678910	0123456789
25	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			8	6	9	7.9	0012345678910	0123456789
26	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			5	7	9	7.6	0012345678910	0123456789
27	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			8	7	9	8.2	0012345678910	0123456789
28	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			8	7	9	8.2	0012345678910	0123456789
29	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
30	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
31	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
32	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			7	8	7.5	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			8	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
34	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
35	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
36	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			9	8	9	8.7	0012345678910	0123456789
37	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			5	8	8.5	7.7	0012345678910	0123456789
38	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			8	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
39	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			5	9	7	7.2	0012345678910	0123456789
40	17153053	Đoàn Trần Minh Nhật	DH17CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
41	18153050	Nguyễn Minh Nhật	DH18CD			5	8	9	7.9	0012345678910	0123456789
42	18153051	Trần Minh Nhật	DH18CD			10	8	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
43	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			5	8	9	7.9	0012345678910	0123456789
44	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
45	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
46	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			10	8	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
47	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			5	8	7.5	7.2	0012345678910	0123456789
48	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			7	8	9	8.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật giao tiếp máy tính (207604) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
50	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
51	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
52	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
53	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			5	8	7	6.9	0012345678910	0123456789
54	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
55	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
56	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			8	8	9	8.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Th.S. Nguyễn Tấn Phúc

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Th.S. Nguyễn Tấn Phúc

Th.S. Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 00465

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ROBOT (207621) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD				5	8	6.5	0012345678910	0123456789
2	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
3	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD				6	9	7.5	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Việt Chi	DH17CD				5	8	6.5	0012345678910	0123456789
5	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD				6	7	6.5	0012345678910	0123456789
6	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD				10	9	9.5	0012345678910	0123456789
7	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
8	17153013	Hà Công Định	DH17CD				10	7	8.5	0012345678910	0123456789
9	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD				5	7.5	6.3	0012345678910	0123456789
10	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD				5	8	6.5	0012345678910	0123456789
11	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
12	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD				10	9	9.5	0012345678910	0123456789
13	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD				6	7	6.5	0012345678910	0123456789
14	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD				10	9.5	9.8	0012345678910	0123456789
15	16153027	Hàn Tấn Hiếu	DH16CD				4	4	4.0	0012345678910	0123456789
16	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD				6	8	7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ROBOT (207621) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
18	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD				8	9	8.5	0012345678910	0123456789
19	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD				10	7.5	8.8	0012345678910	0123456789
20	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD				6	9	7.5	0012345678910	0123456789
21	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				6	8	7.0	0012345678910	0123456789
22	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD				9	8	8.5	0012345678910	0123456789
23	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD				6	7.5	6.8	0012345678910	0123456789
24	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD				10	8.5	9.3	0012345678910	0123456789
25	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				10	7.5	8.8	0012345678910	0123456789
26	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD				6	9.5	7.8	0012345678910	0123456789
27	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
28	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
29	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD				10	7.5	8.8	0012345678910	0123456789
30	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
31	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD				6	8	7.0	0012345678910	0123456789
32	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD				6	7.5	6.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00465

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ROBOT (207621) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD				10	8	9.0	0012345678910	0123456789
34	17153074	Phan Nguyễn Trung	DH17CD				10	7	8.5	0012345678910	0123456789
35	17153072	Nguyễn Hoàng	DH17CD				6	7.5	6.8	0012345678910	0123456789
36	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD				8	7	7.5	0012345678910	0123456789
37	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD				6	8	7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phúc

N.V.N.Thạch

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS. Nguyễn Tấn Phúc

N.V.N.Thạch



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
2	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
3	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT						9,4	0012345678910	0123456789
4	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT						9,4	0012345678910	0123456789
5	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
6	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT						9,5	0012345678910	0123456789
7	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
8	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT						9,6	0012345678910	0123456789
9	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT						9,8	0012345678910	0123456789
10	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT						8,9	0012345678910	0123456789
11	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT						9,5	0012345678910	0123456789
12	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT						9,1	0012345678910	0123456789
13	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
14	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
15	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT						8,8	0012345678910	0123456789
16	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT						9,6	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: 0

Cán bộ chấm thi 2

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Diên



Mã nhận dạng 00472

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT						9,5	0012345678910	0123456789
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
3	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
4	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
5	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
6	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
7	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
8	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
9	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
10	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
11	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT						6,5	0012345678910	0123456789
12	17154016	Nguyễn Khoa Diên	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
13	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
14	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
15	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
16	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT						6,7	0012345678910	0123456789
18	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
19	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
20	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
21	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
22	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
23	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT						6,7	0012345678910	0123456789
24	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
25	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT						5,0	0012345678910	0123456789
26	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
27	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
28	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
29	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
30	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
31	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT						9,5	0012345678910	0123456789
32	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00472

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT						7,2	0012345678910	0123456789
34	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
35	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
36	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
37	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT						6,5	0012345678910	0123456789
38	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT						5,0	0012345678910	0123456789
39	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
40	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT						7,2	0012345678910	0123456789
41	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
42	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT						6,5	0012345678910	0123456789
43	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
44	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT						6,5	0012345678910	0123456789
45	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
46	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
47	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
48	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						6,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
50	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT						0,0	0012345678910	0123456789
51	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
52	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT						5,0	0012345678910	0123456789
53	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
54	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT						6,7	0012345678910	0123456789
55	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT						7,2	0012345678910	0123456789
56	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
57	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
58	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT						6,3	0012345678910	0123456789
59	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
60	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT						5,0	0012345678910	0123456789
61	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
62	17154113	Vô Thương Trường	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
63	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
64	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT						6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00472

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	17154915	Nguyễn Xuân Văn	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
66	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
67	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
68	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Trí

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lê Quang Trí

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT						7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT						4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT						0,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT						8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hường	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18154061	Chu Phú Lân	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
50	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
51	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
52	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
53	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
54	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
55	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
56	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						6,0	0012345678910	0123456789
57	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
58	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT						6,0	0012345678910	0123456789
59	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
60	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
61	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789
62	18154089	Đoàn Minh Nhơ	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
63	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT						6,0	0012345678910	0123456789
64	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						9,2	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						11,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT						8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00474

Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
82	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
83	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
84	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
85	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
86	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
87	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
88	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
89	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT						0,0	0012345678910	0123456789
90	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
91	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
92	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT						9,0	0012345678910	0123456789
93	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Trí

Nguyễn Đình Nguyễn

Lê Quang Trí

Ngày in : 17/05/2021 09:54